

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/12/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK5+P2+BK6	7:25	6+14+2	0+0+0		1+17+2	0+0+0	chuyen 1 p2-bk6
2		RP2+RC10+VSP02	7:25	18+4+0	0+0+0		16+4+2	0+0+0	
3		TD2+P2+CTK3	7:25	15+1+6	0+0+0		11+2+9	0+0+0	Chuyen 3 p2-ctk3
4		RCDM+RC4+RP2	9:25	6+1+15	0+0+0		0+2+19	0+0+0	
5		P2+TD3+P1	9:25	15+0+6	0+0+0		8+1+4	0+0+0	chuyen 7 td3-p1
6		RC5+TD2+BK8	9:25	1+12+6	0+0+0		0+16+6	0+0+0	
7		P8+P4+RC3	11:25	10+0+11	0+0+0		3+5+7	0+0+0	
8		CTC1+RC8+BK5	11:25	19+0+2	0+0+0		11+1+7	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/1 người bk5 về đi rc5, Đi về trong ngày BK5-3 ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/12/2024	TO: BK5 - P2 - BK6	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: LHM - ĐỨC - HTNAM	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ TRƯỜNG SA	BK5	77	1	2			71	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẠO TRUNG KIEN	BK5	81	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG THẮNG	BK5				3	50	74	KH-THAC	Vietnamese
4	THAI HAI HA	BK5	79	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN CÔNG THÀNH	BK5	80	1	5			84	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ VĂN THỌ	BK5	78	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
7	BAGRAMOV	P2	21	1	13			103	KH-THAC	Russian
8	NGUYỄN THẾ ANH	P2	18-19	2	11			68	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM QUỐC HIEN	P2						61	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG MINH ĐỨC	P2	17	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN NGUYỄN BẢO CHÂU	P2						62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN LÊ MINH TUÂN	P2	28	1	15	1	18	101	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM NGUYỄN HOÀNG PHÚC	P2	22	1	4			88	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN TRỌNG PHONG	P2	15-16	2	12			75	YTE	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH TUNG	P2	25	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ VĂN ĐÔNG	P2	14	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
17	LƯU VĂN TỰ	P2	27	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ VĂN HIỆU	P2	26	1	3			56	KH-THAC	Vietnamese
19	HỒ HỮU LINH	P2	20	1	5			92	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU HẠ	P2	23-24	2	11			51	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN THUẬN	BK6	45-46	2	10	2	30	78	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN CÔNG THÀNH	BK6	98	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK5	6	428	5	22	3	50	2		
2	P2	14	1.038	15	88	1	18	17	1	CHUYEN 01 PAX TU P2 SANG BK6
3	BK6	2	152	3	15	2	30	2		
TOTAL		22	1.618	23	125	6	98	21		
WEIGHT KG			1.618		125		98			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/12/2024	TO: RP2 - RC10 - VSP02	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: N.ANH - TUYỀN - HUY	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	86	1	5	3	50	76	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN TÂN TÀI	RP2	80	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN NGỌC CHÍNH	RP2	89	1	4			79	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY HÙNG	RP2	87	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN CÔNG HOÀNG	RP2	94	1	10			66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HÙNG CUÔNG	RP2	91	1	3			85	KH-THAC	Vietnamese
7	TUÔNG ANH CẠC	RP2	81-82	2	13			63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN BÀ DUY	RP2	88	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
9	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	75,77	2	15			76	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	85	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN THIÊN PHƯỚC	RP2	90	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ ĐỨC CUÔNG	RP2						81	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	84	1	11			65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG TÂN	RP2	92-93	2	9			66	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ ĐỨC LONG	RP2	79	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ HỮU QUÂN	RP2	73	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG TUÂN CUÔNG	RP2	74,78	2	13			77	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ HOÀNG CẨM	RP2	83	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI ANH SƠN	RC10	91	1	5	1	20	69	KH-THAC	Vietnamese
20	TẠ VĂN VIỆT	RC10	92-93	2	14			74	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM TRUNG KIẾN	RC10						68	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI ĐỨC KHÁNH	RC10	94	1	4			54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	18	1.255	21	123	3	50	16		
2	RC10	4	265	4	23	1	20	4		
3	VSP02	0	0	0	0	1	24	2		
TOTAL		22	1.520	25	146	5	94	22		
WEIGHT KG			1.520		146		94			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/12/2024	TO: TD2 - P2 - CTK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: DUONG - NPHU - TU	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	96	1	6			79	KHOAN	Vietnamese
2	DOROSHENKO MAXIM	TD2	98	1	11			96	KHOAN	Russian
3	TRẦN VĂN HÙNG	TD2	93	1	4			79	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN TUẤN ANH	TD2	07	1	9			89	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM THẾ CHUYỀN	TD2	91	1	2			68	KHOAN	Vietnamese
6	DUƠNG HẢI BĂNG	TD2	62	1	9			92	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ HẢI SƠN	TD2	99	1	3			85	KHOAN	Vietnamese
8	HỒ CHÍ CÔNG	TD2	02	1	7			83	KHOAN	Vietnamese
9	MAI ĐỨC THÂN	TD2	92	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM LÊ NAM	TD2	01	1	4			65	KHOAN	Vietnamese
11	BUI SY TRUONG	TD2	97	1	11			60	KHOAN	Vietnamese
12	DUƠNG TIẾN QUYỀN	TD2	03	1	11			67	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM SY NGỌC MINH	TD2	06	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
14	HỒ THAI HUNG	TD2	04-05	2	15			95	KHOAN	Vietnamese
15	TRAC ĐỨC HUY	P2	46	1	6	2	35	68	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ MINH ĐỨC	CTK3	03	1	7			70	XAYLAP	Vietnamese
17	TRƯƠNG TẤN LỢI	CTK3	95	1	17			76	XAYLAP	Vietnamese
18	PHẠM NGỌC DINH	CTK3	97-98	2	20			82	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ VĂN QUANG	CTK3	02,96	2	20			74	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐỖ NHẬT QUI	CTK3	56	1	20			66	XAYLAP	Vietnamese
21	DINH MANH DUC	CTK3						70	SAN BAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD2	14	1.101	15	100	0	0	11		
2	P2	1	68	1	6	2	35	2	2	CHUYEN 03 PAX TU P2 SANG CTK3
3	CTK3	6	438	7	84	0	0	9		
TOTAL		21	1.607	23	190	2	35	22		
WEIGHT KG			1.607		190		35			

GRAND TOAL: 1.832 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/12/2024	TO: RCDM - RC4 - RP2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: N.ANH - TUYỀN - HUY	ETA: 11:40
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HOÀI NAM	RCDM	76-77	2	12	1	20	72	NAM TIEN	Vietnamese
2	VÕ HOÀNG QUÂN	RCDM	80-81	2	10			75	NAM TIEN	Vietnamese
3	HOÀNG MINH THUẬN	RCDM	72	1	8			69	NAM TIEN	Vietnamese
4	DƯƠNG ĐĂNG HIỆN	RCDM	78-79	2	10			61	NAM TIEN	Vietnamese
5	TRƯƠNG KIM TRƯỜNG	RCDM	74-75	2	12			77	NAM TIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU CHIẾN	RCDM	73	1	7			70	NAM TIEN	Vietnamese
7	CHUCHEV A.I	RC4	38,43	2	16	2	35	84	KH-THAC	Russian
8	LÊ LAM	RP2	09	1	6	1	12	71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	07	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT NHƯÔNG	RP2	14	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	10	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN NGON QUANG DUY	RP2	08	1	9			93	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VIỆT TRƯỜNG	RP2	93	1	6	1	10	63	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ HOÀNG LONG	RP2	91	1	12			83	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN ĐỨC NGUYỄN	RP2	15	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN CUÔNG	RP2	89-90	2	16			62	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI KHÁC HOÀNG	RP2	16	1	5	1	9	57	YTE	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG TÂN	RP2	88	1	4			62	PSV	Vietnamese
19	LÊ MẠNH HÙNG	RP2	92	1	5			75	PSV	Vietnamese
20	VÕ VĂN TUẤN TU	RP2	13	1	6			70	PSV	Vietnamese
21	LƯƠNG MẠNH HƯƠNG	RP2	87	1	4			62	PSV	Vietnamese
22	PHAN VĂN HOÀ	RP2	94	1	3			59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RCDM	6	424	10	59	1	20	0		
2	RC4	1	84	2	16	2	35	2		
3	RP2	15	1.013	16	99	3	31	19		
TOTAL		22	1.521	28	174	6	86	21		
WEIGHT KG			1.521		174		86			

GRAND TOAL: 1.781 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/12/2024	TO: P2 - TD3 - P1	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: LHM - ĐỨC - HTNAM	ETA: 11:50
VANG-2			

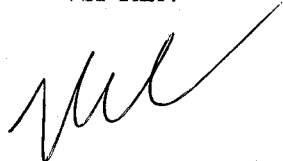
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	36	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI THỌ DUNG	P2						64	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ SINH TÂM	P2	41	1	7			97	KH-THAC	Vietnamese
4	K LING	P2	42	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
5	VU NGOC DUNG	P2	38	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
6	TANG MẠNH HÀ	P2	35	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐOÀN KHÁC CÁN	P2	43	1	11			68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG THỰC	P2	69	1	11			75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P2	30	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN QUYỀN	P2	34	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	31	1	10			83	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐOÀN VĂN DU	P2	40	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC DU	P2	37	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN ĐỨC	P2	28-29	2	15	1	9	75	T-TIN	Vietnamese
15	LAM QUANG THANH	P2	32-33	2	15			91	T-TIN	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG HIỆU	P1	18-19	2	13	5	10	76	XAYLAP	Vietnamese
17	HOANG XUÂN THIN	P1	20-21	2	23			56	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ VĂN TOÀN	P1	14-15	2	14			69	XAYLAP	Vietnamese
19	BUI THAI SƠN	P1	22-23	2	24			65	XAYLAP	Vietnamese
20	VU DINH BAY	P1	16-17	2	15			76	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN QUANG HUY	P1	24-25	2	20			86	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

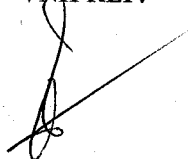
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P2	15	1.098	16	104	1	9	8		
2	TD3	0	0	0	0	0	0	1+7		CHUYEN 7 PAX TD3-P1
3	P1	6	428	12	109	5	10	4		
TOTAL		21	1.526	28	213	6	19	13		
WEIGHT KG			1.526		213		19			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/12/2024	TO: RC5 - TD2 - BK8	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: DUONG - NPHU - TU	ETA: 11:45
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NG VAN DUNG	RC5	35-36	2	15	1	37	65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TAP TOAN	TD2	14	1	4			74	KHOAN	Vietnamese
3	CAO XUAN DUNG	TD2	24	1	14	1	16	72	CODIEN	Vietnamese
4	TRAN MINH TUNG	TD2	20	1	17			75	CODIEN	Vietnamese
5	PHAM XUAN HAI	TD2	22-23	2	16			74	CODIEN	Vietnamese
6	ĐANG VAN GIANG	TD2	18-19	2	15			78	CODIEN	Vietnamese
7	TRAN THAI AN	TD2	12	1	11			74	DVL	Vietnamese
8	PHAN MINH QUAN	TD2	25	1	13	2	55	81	DVL	Vietnamese
9	HÀ ĐỨC KHANH	TD2	10-11	2	20			72	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN THAI THANH	TD2	08-09	2	15			65	XAYLAP	Vietnamese
11	FOK S.I.	TD2	15	1	8			120	KHOAN	Russian
12	SOTRIVEX IGOR	TD2	13	1	8			106	KHOAN	Russian
13	PHAM VAN CHAU	TD2	21	1	7			70	KHOAN	Vietnamese
14	DO TRONG HAI	TD2	16-17	2	20			82	YTE	Vietnamese
15	NGUYEN TAT HOA	BK8	43	1	6	2	32	80	KH-THAC	Vietnamese
16	LE HUY TIEN HAI	BK8	44	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG SY NGOC	BK8	67	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN THANH SON	BK8	68	1	7			60	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI ĐẮC CĂN	BK8	42	1	7			68	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC SON	BK8	69	1	7			73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC5	1	65	2	15	1	37	0		
2	TD2	13	1.043	18	168	3	71	16		
3	BK8	6	417	6	37	2	32	6		
TOTAL		20	1.525	26	220	6	140	22		
WEIGHT KG			1.525		220		140			

GRAND TOAL: 1.885 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/12/2024	TO: P8 - P4 - RC3	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: QVIỆT - HTRUNG - HIẾU	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHI ĐỨC THỊNH	P8	82	1	12			56	XAYLAP	Vietnamese
2	HA MẠNH HÙNG	P8	83-84	2	17			63	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN KIM THĂNG	P8	15-16	2	19			56	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH NAM	P8	07-08	2	15			55	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN SƠN	P8	09	1	10	1	16	62	XAYLAP	Vietnamese
6	DƯƠNG HOÀNG SƠN	P8	13-14	2	11			64	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN VĂN HIỀN	P8	87	1	12	1	20	85	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐÌNH QUANG DŨNG	P8	17	1	10	1	13	66	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ TRỌNG HÙNG	P8	85	1	10	1	11	73	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU THỌ	P8	11	1	10	1	16	78	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN BÌNH LONG	RC3	44-45	2	15			85	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ LÊ TRUNG	RC3	48	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
13	LAM TRỌNG ĐẠI	RC3	42	1	11			59	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO KHANH NAM	RC3	53-54	2	9			79	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN HAI VIỆT	RC3	40-41	2	10			93	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ TRƯỞNG CHÍNH	RC3	43	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
17	LUƠNG NGỌC THANH	RC3	46-47	2	13			98	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ NGỌC HÙNG	RC3	39	1	6			61	PSV	Vietnamese
19	HOÀNG NGỌC THAI	RC3	51-52	2	16			53	BA SON	Vietnamese
20	ĐẠO VĂN TUẤN	RC3	49-50	2	10			69	BA SON	Vietnamese
21	HỒ QUANG HIỆP	RC3	55-56	2	12			66	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P8	10	658	14	126	5	76	3		
2	P4	0	0	0	0	0	0	5		
3	RC3	11	796	18	113	0	0	7		
TOTAL		21	1.454	32	239	5	76	15		
WEIGHT KG			1.454		239		76			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/12/2024		TO: CTC1 - RC8 - BK5			AIRCRAFT: 426			ETD: 12:15		
FLIGHT: 8		FROM: VT			CREW: LINH - XTRƯỜNG -			ETA: 14:05		
XANH-3					MQUAN					
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ ANH VŨ	CTC1	26	1	11			76	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI SI HIỆU	CTC1	32	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN THỨC	CTC1	24	1	4	2	38	80	KH-THAC	Vietnamese
4	LUÔNG XUAN THANH	CTC1	33	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN VĂN LÝ	CTC1	23	1	9			81	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN TRỌNG MẠNH	CTC1	25	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN XUAN THẮNG	CTC1	40	1	5	2	21	61	BIEN ĐÔNG	Vietnamese
8	VŨ VĂN ĐÔNG	CTC1	30	1	6			59	BIEN ĐÔNG	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN BAO	CTC1	38	1	8			52	BIEN ĐÔNG	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN SƠN	CTC1	31	1	8			57	BIEN ĐÔNG	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU MINH	CTC1	39	1	10			61	BIEN ĐÔNG	Vietnamese
12	NGUYỄN TÀI ĐẠI	CTC1	27-28	2	8			55	BIEN ĐÔNG	Vietnamese
13	TRẦN ĐÌNH SINH	CTC1	34	1	13			77	BIEN ĐÔNG	Vietnamese
14	NGUYỄN HOANG AN	CTC1	36	1	11	4	77	71	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ HỒNG LINH	CTC1	35	1	11			85	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ VĂN TIẾP	CTC1	41-42	2	16			77	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NHẬT KIM LONG	CTC1	37	1	12			54	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN VIỆT (1991)	CTC1	43	1	5			69	PSV	Vietnamese
19	ĐỖ MINH THUẬN	CTC1	29	1	11			80	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU NGHIỆM	BK5	19	1	4			59	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH NAM	BK5	20	1	4			82	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTC1	19	1.295	21	163	8	136	11		
2	RC8	0	0	0	0	0	0	1		
3	BK5	2	141	2	8	0	0	6		
TOTAL		21	1.436	23	171	8	136	18		
WEIGHT KG			1.436		171		136			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/12/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TTC2-TD1	7:25	22	0		22	0	
2		CTK3+BK9+BK16	7:25	17+5+0	0+0+0		15+6+1	0+0+0	
3		TD5+P6	7:25	19+1	0+0		20+2	0+0	
4		TD1+TD3	9:25	2+18	0+0		1+21	0+0	
5		SAVR+BK14+PPD	9:25	19+1+0	0+0+0		14+6+2	0+0+0	
6		CLO+RP1+SAVR	9:25	16+0+5	0+0+0		16+0+6	0+0+0	chuyen 2 clo-rp1
7		CNV+BK14	11:25	7+15	0+0		6+16	0+0	
8		RP3+CTK3+BK14	11:25	5+17+0	0+0+0		0+20+2	0+0+0	chuyen 1 rp3-bk14chuyen 1 ctk3-bk14

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Nhà thầu đi CTK3 sang bk14 chuyển cuối



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/12/2024	TO: TTC2 - TD1	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: CHIEN - SON - TOAN	ETA: 09:20
Xanh - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LE PHUONG	TTC2	01	1	4			56	KH-THAC	Vietnamese
2	STESHIN VALERIY	TD1	06	1	10	2	30	158	KHOAN	Russian
3	PHAN VIET HUNG	TD1	100	1	7			70	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM CONG TIEN	TD1	90	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN DANG KHOA	TD1	03	1	5			64	KHOAN	Vietnamese
6	MAI XUAN TUNG	TD1	04-05	2	8			74	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN DUC CUONG	TD1	92-93	2	15			68	KHOAN	Vietnamese
8	ĐINH ĐỨC TIẾN	TD1	07	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
9	DƯƠNG ĐỨC HIẾU	TD1	10-11	2	10			68	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG VAN MINH	TD1	94	1	2			69	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN DANG LAM	TD1	95	1	6			63	KHOAN	Vietnamese
12	VU MANH HAI	TD1	12	1	4			81	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN QUANG SANG	TD1	01	1	5			52	KHOAN	Vietnamese
14	LE BA PHUONG	TD1	02	1	10			74	KHOAN	Vietnamese
15	LE THE CONG	TD1	96	1	12			75	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN ANH VINH	TD1	98	1	6			60	DVL	Vietnamese
17	TRIEU MINH HONG	TD1	91	1	2			70	PSV	Vietnamese
18	ĐẠU ĐỨC HÙNG	TD1	99	1	7			73	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN MINH BANG	TD1	97	1	2			86	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TTC2	1	56	1	4	0	0	0		
2	TD1	18	1.348	21	118	2	30	22		
TOTAL		19	1.404	22	122	2	30	22		
WEIGHT KG			1.404		122		30			

GRAND TOAL: 1.556 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/12/2024	TO: CTK3 - BK9 - BK16	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: ĐỨC - KHÁI - HTNAM	ETA: 09:30
VANG-1			

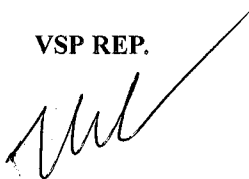
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	MOHAMAD AZHAR BIN SHUFAAT	CTK3	33-34	2	20			74	PVMR	Malaysian
2	NGUYEN TRI CHUNG	CTK3	19	1	6			55	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3	31	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI KHÁC PHONG	CTK3	28	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRỌNG KIM	CTK3	27	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TRỌNG HAI	CTK3	23	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
7	HA MINH GIANG	CTK3	24	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HỮU LƯU	CTK3	29	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM ĐỨC KIỂM	CTK3	32	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN NGỌC TUƠNG	CTK3	30	1	5	1	20	63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN CÔNG CÔNG	CTK3	18	1	10			72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN DANH TUAN	CTK3	20	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN DÂN	CTK3	15	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRẦN ĐỨC MINH	CTK3	25-26	2	13			82	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐỨC HANH	CTK3	22	1	3			83	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HOANG LAM	CTK3	21	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM THANH QUANG	CTK3	16-17	2	10			74	KH-THAC	Vietnamese
18	CAO VĂN KHA KHA	BK9	97	1	6			83	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN NGỌC HIỆP	BK9	95	1	5	2	30	67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VĂN TUAN	BK9	98-99	2	8			72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN NGHIA TIN	BK9	96	1	10			80	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN TIEN CUONG	BK9	94	1	3			61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

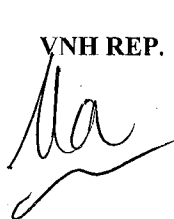
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	17	1.229	20	119	1	20	15		
2	BK9	5	363	6	32	2	30	6		
3	BK16	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	1.592	26	151	3	50	22		
WEIGHT KG			1.592		151		50			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

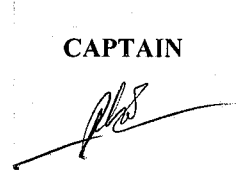
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/12/2024	TO: TD5 - P6	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - HTRUNG -	ETA: 09:25
CAM-1		NNAM	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM VĂN DUY	TD5	15	1	8			68	KHOAN	Vietnamese
2	PHÙNG NGUYỄN NGỌC	TD5	20	1	4			92	KHOAN	Vietnamese
3	PHAN HOANG LAM	TD5	21	1	7	2	38	71	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM VĂN DINH	TD5	16	1	5	3	55	79	KHOAN	Vietnamese
5	NGÔ QUỐC BẢO	TD5	19	1	4			69	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN VĂN ĐỊNH	TD5	06	1	8			62	KHOAN	Vietnamese
7	NHƯ THANH TUYẾN	TD5	17-18	2	10			67	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH CÔNG	TD5	02	1	5			87	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN DIỆU	TD5	01	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	TD5	04	1	6			81	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VIỆT PHƯƠNG	TD5	03	1	5			71	YTE	Vietnamese
12	PHẠM VĂN HẠNH	TD5	12	1	5			90	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN SY LÊ	TD5	14	1	12			56	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT DŨNG	TD5	07-08	2	13			77	KHOAN	Vietnamese
15	ĐO VĨNH CƯỜNG	TD5	13	1	10			68	KHOAN	Vietnamese
16	BUI TÂN BÌNH	TD5	11	1	6			72	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN ĐẠT	TD5	05	1	3			54	KHOAN	Vietnamese
18	ĐO TRỌNG HIẾN	TD5	24-25	2	15			67	DVL	Vietnamese
19	LÊ XUÂN NAM	TD5	09-10	2	14			72	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	19	1.368	23	145	5	93	20		
2	P6	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		19	1.368	23	145	5	93	22		
WEIGHT KG			1.368		145		93			

GRAND TOAL: 1.606 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/12/2024	TO: TD1 - TD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - HTRUNG -	ETA: 11:45
CAM - 2		NNAM	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN HOANG KHA	TD1	67	1	8			79	KH-THAC	Vietnamese
2	VU HOANG QUAN	TD1	68	1	4			57	PSV	Vietnamese
3	NGO TRI HOANG	TD1	69	1	10	3	38	69	DVL	Vietnamese
4	KOSHELEV PAVEL	TD3	58	1	5			88	KHOAN	Russian
5	VU TIEN LUC	TD3	77	1	4			67	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN ĐỨC THẮNG	TD3	68	1	4			69	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG NGOC NGHIA	TD3	75	1	7			67	KHOAN	Vietnamese
8	KHÔNG QUỐC HÙNG	TD3	69	1	3			62	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN HOANG NAM	TD3	61	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN XUAN KY	TD3	65	1	3			89	KHOAN	Vietnamese
11	HUYNH VAN HET	TD3	71-72	2	11			69	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN TRUC TUYEN	TD3	66-67	2	19			64	KHOAN	Vietnamese
13	VÔ NGUYEN KHANG	TD3	76	1	3			76	KHOAN	Vietnamese
14	VU NGOC THANH	TD3	62	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM VIỆT DUNG	TD3	60	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
16	ĐẶNG HUY LONG	TD3	59	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
17	LE NGOC BINH	TD3	70	1	13			83	KHOAN	Vietnamese
18	PHUNG VAN XUYEN	TD3	64	1	5			69	KHOAN	Vietnamese
19	THAI QUY UOC	TD3	63	1	7			79	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN HUNG	TD3	74	1	5			81	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN HIEU	TD3	73	1	14			90	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	3	205	3	22	3	38	1		
2	TD3	18	1.329	20	121	0	0	21		
TOTAL		21	1.534	23	143	3	38	22		
WEIGHT KG			1.534		143		38			

GRAND TOAL: 1.715 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/12/2024	TO: SAVR - BK14 - PPD	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: ĐỨC - KHẢI - HTNAM	ETA: 11:50
VANG-2			

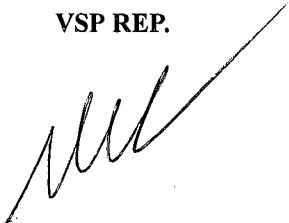
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	EREMEEV EVGENII	SAVR	28	1	16			96	KHOAN	Russian
2	BRATCHIKOV NIKOLAY	SAVR	25-26	2	16			81	AMNGR	Russian
3	GUSHCHIN SEMEN	SAVR	43-44	2	13			66	AMNGR	Russian
4	UMERBAEV RINAT	SAVR	98,39	2	12			78	AMNGR	Russian
5	DERBASOV ANDREI	SAVR	99,95	2	15			74	AMNGR	Russian
6	POMAZANSKII IVAN	SAVR	24	1	13			79	AMNGR	Russian
7	GOLOVIN KONSTANTIN	SAVR	96-97	2	14			111	AMNGR	Russian
8	KIZIN DMITRII	SAVR	41-42	2	9			90	AMNGR	Russian
9	VANEEV ALEKSANDR	SAVR	40	1	11			92	AMNGR	Russian
10	LAUSH OLEG	SAVR	04-05	2	18			117	AMNGR	Russian
11	LOSEV ALEKSEI	SAVR	01-02	2	14			87	AMNGR	Russian
12	MARUPOV GRIGORII	SAVR	900,94	2	12			86	AMNGR	Russian
13	DO DUC NGOC	SAVR	49	1	7			73	PV WELL S	Vietnamese
14	DUONG MANH QUYET	SAVR	50	1	17			85	PV WELL S	Vietnamese
15	CAO VAN THANG	SAVR	47-48	2	15			70	PV WELL S	Vietnamese
16	BUI ANH PHUONG	SAVR	06	1	8			70	PV WELL S	Vietnamese
17	VU VAN TRUONG	SAVR	03	1	7			69	PSV	Vietnamese
18	DUONG KHANH HOANG	SAVR	45-46	2	14			80	BAKER HU	Vietnamese
19	LE HAI	SAVR	29	1	12			81	PV DRILLIN	Vietnamese
20	HOANG NGOC TUNG	BK14	24	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	19	1.585	30	243	0	0	14		
2	BK14	1	67	1	5	0	0	6		
3	PPD	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		20	1.652	31	248	0	0	22		
WEIGHT KG			1.652		248		0			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/12/2024		TO: CLO - RP1 - SAVR			AIRCRAFT: 428			ETD: 09:50		
FLIGHT: 06		FROM: VT			CREW: CHIẾN - SƠN - TOAN			ETA: 11:40		
XANH-2										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI ĐỨC LUÂN	CLO	90-91	2	10			77	KHOAN	Vietnamese
2	PHAN CÔNG PHU	CLO	93	1	3			82	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN TRUNG THÀNH	CLO	89	1	7			78	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	96	1	4			72	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC LY	CLO	02	1	4	3	42	80	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ VĂN LY	CLO	87	1	6			62	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN ĐÌNH HAI	CLO	95	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM NGỌC HAI	CLO	94	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN KIM HÙNG	CLO	86	1	12			73	KHOAN	Vietnamese
10	TRƯƠNG VĂN THỌ	CLO	88	1	8			80	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TUÂN	CLO	100	1	3			75	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐĂNG NAM	CLO	99	1	6			67	PSV	Vietnamese
13	VŨ VĂN THAM	CLO	98	1	4			58	PSV	Vietnamese
14	HOÀNG HỮU THỌ	CLO	92	1	2			73	PSV	Vietnamese
15	LÊ VĂN HÙNG	CLO	97	1	5			63	PSV	Vietnamese
16	MAI HUY TU	CLO	01	1	10			60	DVL	Vietnamese
17	PANKOV SERGEY	SAVR	03-04	2	15	1	16	84	AMNGR	Russian
18	SEIFULLAEV SOKHBAT	SAVR	01	1	14			88	AMNGR	Russian
19	KOLODNIKOV ANTON	SAVR	07	1	12			115	AMNGR	Russian
20	KVARTNIKOV ANTON	SAVR	05-06	2	12			110	AMNGR	Russian
21	ZARIPOV RUSTEM	SAVR	02	1	11			119	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	16	1.147	17	96	3	42	16 + 2		CHUYEN 2 PAX CLO-RP1
2	RP1	0	0	0	0	0	0	0		
3	SAVR	5	516	7	64	1	16	6		
TOTAL		21	1.663	24	160	4	58	22		
WEIGHT KG			1.663		160		58			

GRAND TOAL: 1.881 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/12/2024	TO: CNV - BK14	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: LINH - NPHÚ - DTÙNG	ETA: 14:00
TIM - 3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐỖ QUỐC TÙNG	CNV	73	1	9			82	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VĂN THAI	CNV	68-69	2	18			67	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG TRỌNG VỌ	CNV	71-72	2	10			69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CNV	65	1	6			49	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN HAO	CNV	66-67	2	11			65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC THANH	CNV	70	1	4	4	80	78	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HỒNG ĐIỆN	CNV	64	1	5			65	PSV	Vietnamese
8	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	BK14				1	18	85	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN ANH ĐỨC	BK14	41	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ MINH ĐỨC	BK14	39	1	9			81	KH-THAC	Vietnamese
11	VU ĐÌNH HUY	BK14	44	1	4			56	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN BÌNH	BK14	42	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN BA PHÁT	BK14	32-33	2	19			70	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN NINH	BK14	31	1	11			71	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HA	BK14	27-28	2	17			63	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐẶNG TỎ HIỆU	BK14	37-38	2	28			73	XAYLAP	Vietnamese
17	MAI VÕ TRƯỞNG GIANG	BK14	25-26	2	20			66	XAYLAP	Vietnamese
18	BUI ĐÌNH SANG	BK14	29-30	2	12			51	XAYLAP	Vietnamese
19	HOANG VĂN THANH	BK14	35-36	2	23			69	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM NGỌC NINH	BK14	43	1	6			80	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN THẠCH	BK14	40	1	6			53	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN HỒNG DƯƠNG	BK14	34	1	6			60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CNV	7	475	10	63	4	80	6		
2	BK14	15	1.019	20	170	1	18	16		
TOTAL		22	1.494	30	233	5	98	22		
WEIGHT KG			1.494		233		98			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/12/2024	TO: RP3 - CTK3 - BK14	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
FLIGHT: 082	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - THU	ETA: 14:05
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN HUU TRINH	RP3	06	1	11			72	KHI	Vietnamese
2	HOANG VAN THANH	RP3	03-05	3	16	4	66	70	KHI	Vietnamese
3	PHAM DINH HAI	RP3	10-11	2	13	1	3	79	KHI	Vietnamese
4	LE TIEN HUNG	RP3	01-02	2	13	2	15	63	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN HUY HOANG (12556)	CTK3						85	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI SY LONG	CTK3	600	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐANG THIỆU THANH	CTK3	03	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
8	VU TRUNG KIEN	CTK3	97-98	2	10			78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN MINH TUAN	CTK3	05	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN QUYET THANG	CTK3	02	1	12			70	KH-THAC	Vietnamese
11	LE NGUYEN NHAT LINH	CTK3						88	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM QUANG THAI	CTK3	04	1	4			86	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TIEN DAT	CTK3	01	1	20			86	KH-THAC	Vietnamese
14	LE CANH HUNG	CTK3	11	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN DAN QUE	CTK3	08	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG DINH SAM	CTK3	07	1	6			84	KH-THAC	Vietnamese
17	LE ANH TUAN	CTK3	09	1	13			78	KH-THAC	Vietnamese
18	LE NGUYEN HOANG LONG	CTK3	99	1	12			95	KH-THAC	Vietnamese
19	CU XUAN HUY	CTK3	10	1	9			64	HVJOC	Vietnamese
20	NGUYEN TRUNG DUC	CTK3	12-13	2	10			74	ANTOAN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN VIET	CTK3	06	1	10			76	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	4	284	8	53	7	84	0+		CHUYEN 1 PAX RP3-BK14
2	CTK3	17	1.335	17	143	0	0	20+		CHUYEN 1 PAX CTK3-BK14
3	BK14	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		21	1.619	25	196	7	84	22		
WEIGHT KG			1.619		196		84			

GRAND TOAL: 1.899 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN